



Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng
 Appendix: XXIV: report on change of net asset value
 (Ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính)
 (Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
 Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
 To: State Securities Commission of Vietnam
 Ho Chi Minh city Stock Exchange

1	Tên Công ty quản lý quỹ: Management Fund Company name:	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI SSI Asset Management Company Limited
2	Tên Ngân hàng giám sát: Supervising bank:	Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch
3	Tên Quỹ: Fund name:	Quỹ ETF SSIAM VNX50 SSIAM VNX50 ETF
4	Mã chứng khoán Securities symbol	FUESSV50
5	Kỳ báo cáo (Reporting period)	Tuần từ 11/4/2025 đến 17/4/2025 (period: from April 11th 2025 to April 17th 2025)
6	Ngày lập báo cáo (Reporting date)	18/04/2025 18 April 2025

Đơn vị tính: VND

STT NO	CHI TIÊU CRITERIA	KY BAO CAO THIS PERIOD 17/04/2025	KY BAO CAO THIS PERIOD 10/04/2025
I	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
1.1	<i>của quỹ/ per Fund</i>	111,682,482,922	121,898,426,439
1.2	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	1,830,860,375.77	1,904,662,913.11
1.3	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	18,308.6	19,046.62
2	Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ Net Asset Value (NAV) at the end of period		
2.1	<i>của quỹ/ per Fund</i>	116,555,458,517	111,682,482,922
2.2	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	1,910,745,221.59	1,830,860,375.77
2.3	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	19,107.45	18,308.6
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in Which:	4,872,975,595	-10,215,943,517
3.1	<i>Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ</i> Changes of NAV due to the fund's investment during the period	4,872,975,595	-4,919,528,483
3.2	<i>Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ</i> Change of NAV due to subscription, redemption during the period	0	-5,296,415,034
3.3	<i>Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ</i> Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	-	-
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ Change of NAV per Fund Certificate during period	798.85	-738.02
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	130,207,259,370	151,945,571,464
5.2	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	111,627,917,323	111,627,917,323
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài		
6.1	<i>Số lượng Chứng chỉ quỹ</i>	-	-
6.2	<i>Tổng giá trị</i>	-	-
6.3	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	-	-
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	19,260	19,400
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	19,700	19,260
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison to the last period	440	-140
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)</i>	592.55	951.40
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/ premium(+))</i>	3.10%	5.20%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	20,940	20,940
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	17,830	17,830

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
 Authorised Representative of Supervisory Bank



Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành
 Võ Minh Hồng
 Phó Giám đốc Phòng Giao dịch và dịch vụ chứng khoán

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ
 Authorised Representative of Fund Management Company



Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC